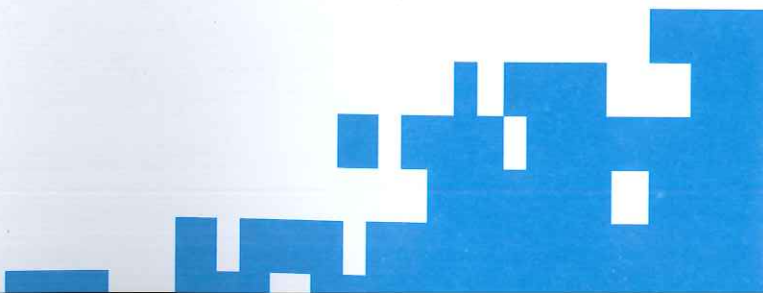


CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thủy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

23615
CÔNG
TN
TOÁN
M VI
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2024

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 14/2024/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:
Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.740.133.233	48.206.682.488
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.926.347.093	4.209.000.623
1. Tiền	111	4.1	4.926.347.093	4.209.000.623
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.875.696.759	21.733.398.811
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	28.629.244.328	23.095.666.935
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		694.619.915	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		743.998.765	809.898.125
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(2.192.166.249)	(2.172.166.249)
III. Hàng tồn kho	140	4.4	20.938.089.381	21.547.882.220
1. Hàng tồn kho	141		21.014.270.177	21.624.063.016
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.180.796)	(76.180.796)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	716.400.834
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	716.400.834
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.178.643.635	56.951.544.687
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	750.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	750.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.081.005.617	1.471.356.953
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.081.005.617	1.471.356.953
Nguyên giá	222		32.362.232.888	32.362.232.888
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.281.227.271)	(30.890.875.935)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		730.840.573	819.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		819.000.000	819.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(88.159.427)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		51.366.797.445	53.911.187.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	51.226.797.445	53.688.502.549
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		140.000.000	222.685.185
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		106.918.776.868	105.158.227.175

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.335.850.116	40.851.963.039
I. Nợ ngắn hạn	310		40.135.850.116	40.164.272.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	15.203.379.190	18.845.554.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.194.920	139.177.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	1.136.689.933	610.395.870
4. Phải trả người lao động	314	4.9	3.140.766.590	2.312.291.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	3.692.798.243	537.241.769
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	13.122.796.239	12.046.505.869
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	3.797.225.001	5.673.105.001
II. Nợ dài hạn	330		200.000.000	687.690.550
1. Phải trả dài hạn khác	337		200.000.000	687.690.550
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.582.926.752	64.306.264.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13.1	66.582.926.752	64.306.264.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.13.2	30.364.360.000	30.364.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.364.360.000	30.364.360.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.13.6	19.057.877.330	6.587.580.230
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.13.6	1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.642.489.422	25.836.123.906
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		11.847.608.806	15.122.130.194
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.794.880.616	10.713.993.712
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		106.918.776.868	105.158.227.175



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.15	58.346.392.870	57.010.203.623
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.16	2.669.362.560	3.134.352.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.677.030.310	53.875.850.749
4. Giá vốn hàng bán	11	4.17	39.919.118.020	37.871.889.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.757.912.290	16.003.961.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		103.465.012	13.967.574
7. Chi phí tài chính	22	4.18	1.767.674.176	2.273.807.981
Trong đó, chi phí lãi vay	23		547.731.167	756.400.750
8. Chi phí bán hàng	25	4.19	2.916.860.266	3.419.993.875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.20	8.023.334.569	5.804.739.998
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.153.508.291	4.519.387.121
11. Thu nhập khác	31	4.21	1.962.118.965	2.070.283.973
12. Chi phí khác	32		326.974.354	1.494.710.109
13. Lợi nhuận khác	40		1.635.144.611	575.573.864
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.788.652.902	5.094.960.985
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	911.087.101	1.004.881.212
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		82.685.185	82.685.185
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.794.880.616	4.007.394.588
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	1.025	1.016
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	1.025	1.016



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.788.652.902	5.094.960.985
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.22	390.351.336	529.151.588
Các khoản dự phòng	03		108.159.427	(19.707.186)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.650.222)	(2.436.514)
Chi phí lãi vay	06	4.18	547.731.167	756.400.750
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.832.244.610	6.358.369.623
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.695.897.114)	(4.939.322.011)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		609.792.839	645.682.546
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		774.569.643	3.267.236.019
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.461.705.104	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(547.731.167)	(756.400.750)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(1.166.315.602)	(1.183.433.329)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.900.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.882.780.000)	(1.822.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.392.488.313	1.569.872.098
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(235.864.435)	(53.569.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.650.222	2.436.514
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(233.214.213)	(51.132.486)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.24	16.501.365.778	18.235.575.863
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.25	(15.425.075.408)	(20.028.102.202)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(1.518.218.000)	(1.214.574.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(441.927.630)	(3.007.100.739)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		717.346.470	(1.488.361.127)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.209.000.623	5.258.989.690
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	4.926.347.093	3.770.628.563



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 23 tháng 10 năm 2023 để thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.364.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 167 (31/12/2023: 167).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, sản xuất matit (bột trét tường).

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Bắc Ninh

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 06 năm 2024, Hội đồng Quản Trị thông qua việc chấm dứt hoạt động tại chi nhánh Bắc Ninh do đã hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư và không tiếp tục gia hạn đầu tư. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục để giải thể chi nhánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2023.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	376.468.178	604.525.032
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.549.878.915	3.604.475.591
Cộng	4.926.347.093	4.209.000.623

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH PPG Việt Nam	4.979.323.958	2.906.680.081
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Gia Gia Phát	2.415.729.180	2.384.051.111
Công ty TNHH MTV Sương Sơn	2.896.418.043	2.153.237.325
Các khách hàng khác (*)	18.337.773.147	15.651.698.418
Cộng	28.629.244.328	23.095.666.935

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

Quyền phải thu ngắn hạn của khách hàng tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.192.166.249	-	2.192.166.249	20.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì công nợ đã tồn đọng nhiều năm.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	2.172.166.249	2.148.181.433
Trích lập trong kỳ	20.000.000	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06	2.192.166.249	2.148.181.433

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu (tiếp theo)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024				Tại ngày 01/01/2024			
	VND				VND			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	Trên 3 năm		1.096.000.000	-	Trên 3 năm	
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	-	Trên 3 năm		367.017.470	-	Trên 3 năm	
Các khách hàng khác	729.148.779	-	Trên 3 năm		729.148.779	20.000.000	Trên 3 năm	
Cộng	2.192.166.249	-			2.192.166.249	20.000.000		

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2024				Tại ngày 01/01/2024			
	VND				VND			
	Giá gốc	Dự phòng			Giá gốc	Dự phòng		
Nguyên liệu, vật liệu	6.536.150.390	(34.401.117)			7.019.906.889	(34.401.117)		
Công cụ, dụng cụ	700.992.093	(5.936.182)			778.608.147	(5.936.182)		
Bán thành phẩm	557.255.524	-			625.902.809	-		
Thành phẩm	13.219.474.508	(35.843.497)			13.197.535.549	(35.843.497)		
Hàng hóa	397.662	-			2.109.622	-		
Cộng	21.014.270.177	(76.180.796)			21.624.063.016	(76.180.796)		

Giá trị hàng tồn kho tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	7.953.820.577	16.615.096.212	7.620.555.554	172.760.545	32.362.232.888
Tại ngày 30/06/2024	7.953.820.577	16.615.096.212	7.620.555.554	172.760.545	32.362.232.888
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	7.782.162.602	16.016.497.334	6.957.742.954	134.473.045	30.890.875.935
Khấu hao trong năm	114.438.678	161.799.780	107.362.878	6.750.000	390.351.336
Tại ngày 30/06/2024	7.896.601.280	16.178.297.114	7.065.105.832	141.223.045	31.281.227.271
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	171.657.975	598.598.878	662.812.600	38.287.500	1.471.356.953
Tại ngày 30/06/2024	57.219.297	436.799.098	555.449.722	31.537.500	1.081.005.617

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 0 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.124.657.036 VND.

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với thời hạn thuê từ 06/06/2022 đến 31/05/2065.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	65.691.038	65.691.038
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Khai thác Sản xuất Thương mại và Vận tải Đá Trắng	1.791.966.780	1.791.966.780	2.369.832.800	2.369.832.800
Công ty TNHH Thương Mại U.C.C	1.641.447.500	1.641.447.500	1.382.150.000	1.382.150.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	11.769.964.910	11.769.964.910	15.027.880.931	15.027.880.931
Cộng	15.203.379.190	15.203.379.190	18.845.554.769	18.845.554.769

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải nộp		Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	836.150.537		2.501.383.340	1.693.172.006	27.939.203	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		211.310.646	211.310.646	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	183.419.622		911.087.101	1.166.315.602	438.648.123	
Thuế thu nhập cá nhân	117.119.774		213.220.970	239.909.740	143.808.544	
Các loại thuế khác	-		4.000.000	4.000.000	-	
Cộng	1.136.689.933		3.841.002.057	3.314.707.994	610.395.870	

(*) Trong đó, thuế giá trị gia tăng đầu ra được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Số phát sinh	Đã khấu trừ	Đã khấu trừ	Đã nộp		
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	836.150.537	6.070.737.551	3.569.354.211	1.693.172.006	27.939.203	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người lao động

Là quỹ lương 06 tháng đầu năm 2024 còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2024.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chiết khấu bán hàng theo doanh số	2.108.000.000	46.559.000
Trích trước chi phí trang phục	505.000.000	-
Trích trước tiền điện	454.163.243	423.363.186
Trích trước chi phí quảng cáo	415.000.000	-
Các khoản trích trước khác	210.635.000	67.319.583
Cộng	3.692.798.243	537.241.769

4.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	13.122.796.239	13.122.796.239	16.501.365.778	15.425.075.408	12.046.505.869	12.046.505.869

Đây là khoản vay ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn vay không quá 12 tháng, hạn mức tín dụng 30 tỷ VND và lãi suất theo từng giấy nhận nợ từ 7,5% - 8,2%/năm. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, được thế chấp bằng các tài sản đảm bảo sau:

- Tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 0 VND – Xem thêm Mục 4.5;
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho với mức duy trì tối thiểu 15 tỷ VND – Xem thêm Mục 4.4;
- Quyền đối với khoản phải thu đã và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai với giá trị tối thiểu 15 tỷ VND – Xem thêm Mục 4.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tại ngày 01/01	5.673.105.001	4.938.873.481
Trích lập trong kỳ	-	-
Thu khác	6.900.000	1.820.000
Sử dụng trong kỳ	(1.882.780.000)	(1.824.080.000)
Tại ngày 30/06	3.797.225.001	3.116.613.481

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
		Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT") VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	15.182.180.000	19.299.463.130	1.518.200.000	20.435.893.194	56.435.736.324
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.007.494.588	4.007.494.588
Chia cổ tức năm 2022 đợt 1	-	-	-	(1.214.574.400)	(1.214.574.400)
Tại ngày 30/06/2023	15.182.180.000	19.299.463.130	1.518.200.000	23.228.813.382	59.228.656.512
Tăng vốn trong 6 tháng cuối năm trước	15.182.180.000	(15.182.180.000)	-	-	15.182.180.000
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	12.461.152.744	12.461.152.744
Tạm trích quỹ ĐTPT năm 2023	-	2.470.297.100	-	(2.470.297.100)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	-	(3.284.356.520)	(3.284.356.520)
Chia cổ tức năm 2022 đợt 2	-	-	-	(4.099.188.600)	(4.099.188.600)
Tại ngày 01/01/2024	30.364.360.000	6.587.580.230	1.518.200.000	25.836.123.906	64.306.264.136
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	3.794.880.616	3.794.880.616
Trích bổ sung quỹ ĐTPT năm 2023 (*)	-	12.470.297.100	-	(12.470.297.100)	-
Chia cổ tức năm 2023 đợt 1 (*)	-	-	-	(1.518.218.000)	(1.518.218.000)
Tại ngày 30/06/2024	30.364.360.000	19.057.877.330	1.518.200.000	15.642.489.422	66.582.926.752

(*) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCHĐ2024 ngày 10 tháng 04 năm 2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi)	9.110.880.000	9.110.880.000
Vốn góp của các đối tượng khác	21.253.480.000	21.253.480.000
Cộng	30.364.360.000	30.364.360.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.036.436	3.036.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.036.436	3.036.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.036.436	3.036.436

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.794.880.616	4.007.394.588
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(683.078.511)	(921.723.755)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.111.802.105	3.085.770.833
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ (**)	3.036.436	3.036.436
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.025	1.016

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 18% cho lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 23% cho lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2024 ngày 10 tháng 04 năm 2024.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	3.036.436	1.518.218
Ảnh hưởng của 1.518.218 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 27 tháng 10 năm 2023 từ quỹ đầu tư phát triển được điều chỉnh tăng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30	-	1.518.218
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	3.036.436	3.036.436

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13.5. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.518.218.000	1.214.574.400

4.13.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2024	6.587.580.230	1.518.200.000
Trích trong kỳ	12.470.297.100	-
Chi trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2024	19.057.877.330	1.518.200.000

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<u>Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn:</u>		
Từ 1 năm trở xuống	283.953.928	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	686.252.061	686.252.061
Trên 5 năm	2.676.383.038	2.745.008.244
Cộng	3.646.589.027	3.715.214.233
	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<u>Nợ khó đòi đã xử lý:</u>		
Xóa sổ theo Nghị quyết HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo Nghị quyết HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	42.948.435.034	43.866.887.943
Doanh thu gia công	15.397.957.836	13.143.315.680
Cộng	58.346.392.870	57.010.203.623
Trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.27	11.254.850	41.191.075

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	2.462.237.860	2.459.118.174
Hàng bán bị trả lại	207.124.700	675.234.700
Cộng	2.669.362.560	3.134.352.874

4.17. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng	28.851.800.686	28.229.429.812
Giá vốn gia công	11.067.317.334	9.642.459.536
Cộng	39.919.118.020	37.871.889.348

4.18. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thanh toán	1.113.552.880	1.510.934.010
Lãi tiền vay	547.731.167	756.400.750
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	88.159.427	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	18.230.702	6.473.221
Cộng	1.767.674.176	2.273.807.981

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vật liệu, bao bì	571.888.051	552.959.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.200.398	24.648.147
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	1.121.470.407	1.440.608.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.007.123	289.998.472
Chi phí bằng tiền khác	969.294.287	1.111.779.718
Cộng	2.916.860.266	3.419.993.875

4.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	3.270.212.819	3.198.722.601
Chi phí vật liệu quản lý	271.010.406	241.347.935
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.151.571	71.573.621
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.001.522	148.251.522
Thuế, phí và lệ phí	47.589.526	55.048.147
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	20.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.708.635	292.910.719
Chi phí bằng tiền khác	1.388.954.986	1.796.885.453
Chi phí tiền thuê đất	2.461.705.104	-
Cộng	8.023.334.569	5.804.739.998

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước do Công ty phân bổ bổ sung chi phí tiền thuê đất cho các kỳ trước.

4.21. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	1.583.476.344	1.586.445.920
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	348.596.849	403.195.555
Thu nhập khác	30.045.772	80.642.498
Cộng	1.962.118.965	2.070.283.973

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.346.361.998	24.152.065.139
Chi phí nhân công	14.607.603.725	13.178.126.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.351.336	529.151.588
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	20.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.574.443.567	4.516.966.446
Chi phí khác bằng tiền	4.873.843.903	2.948.506.132
Cộng	50.812.604.529	45.324.815.604

4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	4.788.652.902	5.094.960.985
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	180.208.530	342.871.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(413.425.926)	(413.425.926)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.555.435.506	5.024.406.059
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	911.087.101	1.004.881.212
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	911.087.101	1.004.881.212

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách.

4.24. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.501.365.778	18.235.575.863

4.25. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(15.425.075.408)	(20.028.102.202)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại;
- Gia công sơn.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần						
Từ khách hàng bên ngoài	40.279.072.474	40.666.335.297	15.397.957.836	13.209.515.452	55.677.030.310	53.875.850.749
Cộng	40.279.072.474	40.666.335.297	15.397.957.836	13.209.515.452	55.677.030.310	53.875.850.749
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	3.063.429.408	4.620.001.058	1.754.288.047	2.159.226.470	4.817.717.455	6.779.227.528
Thu nhập tài chính					103.465.012	13.967.574
Chi phí tài chính					(1.767.674.176)	(2.273.807.981)
Thu nhập khác					1.962.118.965	2.070.283.973
Chi phí khác					(326.974.354)	(1.494.710.109)
Lợi nhuận trước thuế					4.788.652.902	5.094.960.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(993.772.286)	(1.087.566.397)
Lợi nhuận sau thuế					3.794.880.616	4.007.394.588

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.26. Báo cáo bộ phận

Các thông tin khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Sản xuất sơn các loại		Giá công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản của bộ phận	41.782.074.720	39.259.281.503	7.285.149.360	5.260.787.282	49.067.224.080	44.520.068.785
Tài sản không phân bổ					57.851.552.788	60.638.158.390
Tổng tài sản					106.918.776.868	105.158.227.175

	Sản xuất sơn các loại		Giá công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nợ phải trả của bộ phận	28.368.370.349	31.031.238.468	-	-	28.368.370.349	31.031.238.468
Nợ phải trả không phân bổ					11.967.479.767	9.820.724.571
Tổng nợ phải trả					40.335.850.116	40.851.963.039

	Sản xuất sơn các loại		Giá công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản	235.864.435	53.569.000	-	-	235.864.435	53.569.000
Chi phí khấu hao trong kỳ	283.677.660	437.856.075	106.673.676	91.295.513	390.351.336	529.151.588

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty trong cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty trong cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty trong cùng tập đoàn
5. Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty TNHH Phương Đông	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng – Xem thêm Mục 4.15:		
Công ty TNHH Phương Đông	11.254.850	41.491.075

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và nhận dịch vụ:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	127.211.199	148.226.917
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	21.040.000	22.520.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	14.853.031	13.016.710
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	36.819.000	67.846.500
Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	-	1.594.593.252
Cộng	199.923.230	1.846.203.379

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	455.544.000	364.435.200
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	4.000.000	3.200.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	6.600.000	5.280.000
Ông Đào Đình Đề	77.884.000	65.107.200
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	1.700.000	1.360.000
Cộng	545.728.000	439.382.400

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	316.615.000	297.813.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD	330.085.000	306.750.000
Ông Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	73.996.000	72.596.000
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên HĐQT	73.996.000	72.596.000
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	73.996.000	61.696.000
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó TGD	206.623.000	185.195.000
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban kiểm soát	73.996.000	72.596.000
Bà Bùi Thị Thủy Liên	Thành viên Ban kiểm soát	44.998.000	44.398.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên Ban kiểm soát	44.998.000	44.398.000
Cộng		1.239.303.000	1.158.038.000

4.28. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	127.211.199	148.226.917
Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		
	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	283.953.928	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	686.252.061	686.252.061
Trên 5 năm	2.676.383.038	2.745.008.244
Cộng	3.646.589.027	3.715.214.233

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.016	2.164
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.016	2.164

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên chủ yếu do Công ty đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển vào ngày 27 tháng 10 năm 2023, do đó, theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 Lãi trên cổ phiếu, chỉ tiêu Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại nhằm bảo đảm tính so sánh.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Trích):

	Tại ngày 01/01/2024 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 31/12/2023 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho:		
Nguyên liệu, vật liệu	7.019.906.889	7.019.906.889
Công cụ, dụng cụ	778.608.147	778.608.147
Bán thành phẩm	625.902.809	-
Thành phẩm	13.197.535.549	13.823.438.358
Hàng hóa	2.109.622	2.109.622
Cộng	21.624.063.016	21.624.063.016

Việc điều chỉnh thuyết minh các khoản mục hàng tồn kho là để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ tài chính hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc trình bày lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng báo cáo tài chính.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập

Đồng Nai, ngày 08 tháng 08 năm 2024